

## GIẢNG CO TÍCH LŨY

## TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

## Triển vọng tích cực của ngành Bán lẻ cuối 2024 – 2025

Quy mô thị trường bán lẻ Việt Nam năm 2024 ước tính khoảng 276.37 tỷ USD, dự báo tăng lên 488.08 tỷ USD vào năm 2029, tương ứng với mức tăng trưởng CAGR giai đoạn 2024 – 2029 là 12,05%

Các kênh bán hàng thương mại trực tuyến và hiện đại đang dẫn chiếm ưu thế, giúp tiếp cận tốt hơn người tiêu dùng nông thôn và mở rộng tệp khách hàng. Mô hình chiến lược đa kênh kết hợp trải nghiệm mua sắm đã thu hút khách hàng chuyển từ chợ truyền thống sang các kênh bán lẻ hiện đại, giảm sự phụ thuộc vào vị trí địa lý.

Nhu cầu mua sắm tăng mạnh đặc biệt là vào dịp cuối năm khi lễ tết sắp đến.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

## Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 2,40 điểm trong phiên 24/12 kết phiên ở mức 1.260,36 điểm. Thanh khoản tăng 30,01% so với phiên giao dịch ngày 23/12. Khối ngoại quay lại mua ròng hơn 44 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục giằng co quanh vùng 1.260-1.270 điểm trong phiên giao dịch ngày 25/12. VN-Index đã trải qua phiên giao dịch giằng co quanh mốc tham chiếu với thanh khoản cải thiện. Sự trở lại của khối ngoại với giao dịch mua ròng nhẹ đã góp phần hỗ trợ thị trường. Việc thị trường tiếp tục tích lũy quanh vùng 1.260 điểm là cần thiết để nhằm củng cố lực cầu và thanh lọc các cổ phiếu yếu. Đồng thời, khi các số liệu ước tính kết quả kinh doanh quý 4 của nhiều doanh nghiệp được công bố kỳ vọng sẽ tạo động lực tăng trưởng ngắn hạn, thu hút dòng tiền đầu cơ và thúc đẩy VN-Index phục hồi.

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



## CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

MWG

Khuyến nghị: **Mua**TP: **80.000 VND** | UPSIDE: **+30%**

## Chiến lược hành động

**MUA:** NĐT tiếp tục quan sát thị trường, tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu thu hút được dòng tiền và có câu chuyện hấp dẫn hơn cho năm 2025.

**BÁN:** NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm.

## Tổng quan thị trường

| Thị trường       | Giá trị  | %Δ     |
|------------------|----------|--------|
| <b>VN-Index</b>  |          |        |
| Đóng cửa         | 1.260,36 | -0,19  |
| KLCP (triệu CP)  | 643,16   | 30,01  |
| GTGD (tỷ VND)    | 15.973   | 29,80  |
| Khớp lệnh        | 12.063   | 28,98  |
| Thỏa thuận       | 3.909    | 24,48  |
| <b>HNX-Index</b> |          |        |
| Đóng cửa         | 228,36   | -0,07  |
| KLCP (triệu CP)  | 59,36    | -18,66 |
| GTGD (tỷ VND)    | 1.162,9  | -0,10  |
| <b>UPCoM</b>     |          |        |
| Đóng cửa         | 94,02    | 0,32   |
| KLCP (triệu CP)  | 71,70    | 29,01  |
| GTGD (tỷ VND)    | 1.178,0  | 29,38  |

**Diễn biến TTCK Mỹ:** Cổ phiếu tăng vọt vào ngày Giáng sinh khi thị trường thoát khỏi đà tăng liên tiếp trong tuần lễ nghỉ lễ. S&P 500 tăng 1,1% lên 6.040,04 và Dow Jones tăng 390,08 điểm, hay 0,91%, lên 43.297,03. Nasdaq tăng 1,35% lên 20.031,13, nhờ vào mức tăng 7,4% của cổ phiếu Tesla. Ngoài ra, Amazon và Meta Platforms đều tăng hơn 1%.

**Thế giới:** Theo báo cáo tháng 12 của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK), chỉ số niềm tin tiêu dùng (CCSI) đã giảm mạnh từ 100,7 điểm trong tháng 11 xuống còn 88,4 điểm. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 11/2022, thời điểm xảy ra thảm kịch giẫm đạp trong lễ hội Halloween làm 159 người thiệt mạng. Việc chỉ số này rơi xuống dưới ngưỡng 100 phản ánh tâm lý bi quan của người tiêu dùng về triển vọng kinh tế. Trong bối cảnh này, các lĩnh vực chi tiêu quan trọng như du lịch, ăn uống và mua sắm hàng hóa lâu bền đều bị ảnh hưởng lớn. Đồng thời, đồng won Hàn Quốc đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3/2009. Vào ngày 19/12, đồng won đã rớt giá mạnh sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) thông báo cắt giảm lãi suất.

**Việt Nam:** Ngành thủy sản vẫn đạt được kim ngạch xuất khẩu 10 tỉ đô la Mỹ với tôm và cá tra là hai trụ cột chính. Thông tin này đã được Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (Vasep) công bố tối 23-12. Theo đó, mặt hàng tôm và cá tra đã đóng góp đến 60% tổng kim ngạch. Cụ thể, xuất khẩu tôm đạt 4 tỉ đô la Mỹ, tăng 16,7% còn cá tra đạt 2 tỉ đô la Mỹ, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, TTXVN đưa tin. Về nhóm hải sản, tuy nguồn nguyên liệu hạn hẹp, xuất khẩu cá ngừ vẫn cán đích 1 tỉ đô la Mỹ, tăng trưởng 18%. Các loại cá khác đóng góp 1,9 tỉ đô la Mỹ, xuất khẩu mực, bạch tuộc đạt 662 triệu đô la Mỹ, cua, ghẹ và giáp xác khác đạt 335 triệu đô la Mỹ. Theo ông, năm 2025, ngành thủy sản phải giải quyết các thách thức như thẻ vàng IUU, thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc này sẽ cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân.

**Tỷ giá USD/VND:** Tỷ giá tự do giao dịch giảm xuống mức 25.440.

**Thép:** Chính phủ Mexico vừa áp mức thuế 36,23% đối với dây thép nhập khẩu từ Việt Nam, viện dẫn lý do các sản phẩm này đang gây tổn hại cho ngành sản xuất trong nước. Biện pháp thuế quan này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến các nhà xuất khẩu dây thép Việt Nam, trong đó có Tập đoàn Kim Tín, một cái tên được Mexico nhắc đến trong thông báo. Tuy nhiên, mức thuế 36,23% sẽ được áp dụng chung cho tất cả các nhà xuất khẩu dây thép từ Việt Nam, không chỉ riêng Kim Tín.

**GEE:** CTCP Điện lực Gelex (GEE Electric) thông báo ngày 30/12/2024 sẽ là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền. Tỷ lệ thực hiện 10%/cp (tức 1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/12, thời gian chi trả dự kiến vào 17/1/2025. Với 300 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Điện lực Gelex sẽ phải "rút vít" 300 tỷ đồng để thanh toán cổ tức đợt này cho cổ đông. Công ty mẹ của GEE là CTCP Tập đoàn Gelex nắm giữ gần 240 triệu cổ phiếu GEE (~80% vốn) dự kiến nhận về 240 tỷ đồng tiền cổ tức đợt này. Về tình hình kinh doanh lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần của GELEX Electric đạt 14.649 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.350 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ.

**YEG:** Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HoSE) vừa có văn bản gửi Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1. Theo HoSE, qua công tác giám sát giao dịch, cơ quan này nhận thấy từ ngày 17-12 đến ngày 23-12, cổ phiếu YEG đã trải qua 5 phiên tăng trần liên tiếp, thuộc trường hợp phải giải trình theo quy định tại thông tư 96 của Bộ Tài chính. Trên thị trường chứng khoán, hiện thị giá YEG đang ở vùng 20.300 đồng mỗi cổ phiếu, đã tăng gần 90% sau 1 tháng và 125% sau 1 quý trở lại đây. Đi từ vùng giá 10.000 đồng hồi giữa tháng 11 lên gấp đôi sau hơn 1 tháng, cổ phiếu YEG mang "trái ngọt" cho các cổ đông. Tính chung 9 tháng đầu năm nay, YEG mang về gần 630 tỉ đồng doanh thu, gấp khoảng 2,5 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Còn lãi sau thuế đạt 55,7 tỉ đồng, gấp 4,5 lần so với cùng thời gian năm ngoái.

**Chứng khoán thế giới**

| Thị trường | Điểm số   | %Δ   | YTD   |
|------------|-----------|------|-------|
| SP500      | 6.040,04  | 1,10 | 26,63 |
| DJIA       | 43.297,03 | 0,91 | 14,88 |
| Nasdaq     | 20.031,13 | 1,35 | 33,44 |
| Shanghai   | 3.393,53  | 1,26 | 14,07 |
| Hang Seng  | 20.098,29 | 1,08 | 17,90 |

**Thị trường hàng hóa**

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Δ    | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng      | 2.615,33  | 0,01  | 26,80  |
| Dầu WTI   | 70,17     | 1,03  | -2,07  |
| Dầu Brent | 73,63     | 1,05  | -4,43  |
| Than      | 125,50    | -1,41 | -14,28 |
| Đồng      | 4,0406    | 0,18  | 4,13   |
| Quặng sắt | 103,84    | 0,00  | -23,85 |
| Thép      | 444,79    | 0,61  | -19,32 |

**Thị trường ngoại tệ**

| Chỉ số  | Giá (USD) | %Δ    | YTD   |
|---------|-----------|-------|-------|
| DXY     | 108,10    | 0,02  | 6,62  |
| USD/JPY | 157,23    | 0,03  | 11,47 |
| USD/CNY | 7,3069    | 0,01  | 2,55  |
| EUR/USD | 1,0402    | -0,04 | -5,74 |
| GBP/USD | 1,2539    | 0,03  | -1,49 |

**Top đột phá khối lượng (tỷ VND)**

| Mã CP | Giá trị | Giá   | %Δ    |
|-------|---------|-------|-------|
| DXG   | 881,25  | 16,45 | -6,80 |
| PDR   | 268,46  | 20,20 | -2,88 |
| EIB   | 207,26  | 19,60 | 0,51  |
| VOS   | 167,76  | 17,90 | 5,60  |
| YEG   | 201,73  | 21,70 | 6,90  |

**Top giá trị giao dịch (tỷ VND)**

| Mã CP | Giá trị | Giá    | %Δ    |
|-------|---------|--------|-------|
| DXG   | 881,25  | 16,45  | -6,80 |
| DGC   | 453,33  | 118,50 | 1,72  |
| HPG   | 360,07  | 26,70  | -1,11 |
| FPT   | 345,20  | 150,40 | 0,40  |
| SSI   | 316,64  | 25,95  | 0,39  |

# MWVG

(HOSE)

|                           |                      |
|---------------------------|----------------------|
| <b>Khuyến nghị</b>        | <b>Mua</b>           |
| Giá hiện tại (24/12/2024) | <b>61.300</b>        |
| Giá mục tiêu              | <b>80.000</b>        |
| Tiềm năng tăng trưởng     | <b>30%–33%</b>       |
| Vùng mua                  | <b>60.000–61.000</b> |
| <b>Ngưỡng cắt lỗ</b>      | <b>&lt;57.500</b>    |

## LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

**Lũy kế 9T2024**, MWG đạt doanh thu thuần 99.767 tỷ đồng (+14,9% yoy) và LNST đạt 2.875 tỷ đồng (gấp 3,6 lần cùng kỳ). Các mảng kinh doanh đều ghi nhận KQKD khả quan. Qua đó, MWG hoàn thành 80% KH doanh thu và vượt 20% KH LNST.

**Chuỗi TGDD và ĐMX:** Quý 3/2024, MWG tiếp tục đóng cửa thêm 86 cửa hàng TGDD và ĐMX hoạt động không hiệu quả nhưng doanh số 2 chuỗi này vẫn ghi nhận tăng trưởng khoảng 8% yoy nhờ mở bán dòng sản phẩm Iphone mới và ngành hàng laptop vẫn duy trì tăng trưởng trong mùa tựu trường.

**Chuỗi Bách hóa xanh mở rộng mạnh mẽ:** Doanh thu chuỗi BHX tăng 26% trong quý 3, với doanh thu bình quân mỗi cửa hàng đạt 2,1 tỷ đồng/tháng. Đồng thời BHX đã bắt đầu mở mới cửa hàng sau khi thành công với 25 cửa hàng mở mới. Chuỗi BHX cũng đã bắt đầu mở rộng và tăng độ phủ tại khu vực miền Trung. Tính đến hiện tại, MWG đang có 15 cửa hàng tại Đà Nẵng, Quảng Nam và Quảng Ngãi đánh dấu bước đầu tiên trong chiến lược mở rộng thị trường.

**EraBlue là động lực lớn trong 3–5 năm tới:** Erablue đã bắt đầu có lãi ở mức 329 triệu đồng đánh dấu bước đầu thành công tại thị trường giàu tiềm năng với quy mô dân số gấp gần 3 lần Việt Nam. MWG có thể bước vào giai đoạn mở rộng chuỗi Erablue khi đã bắt đầu có lãi, hiện tại Erablue đang có 76 cửa hàng, tăng gấp đôi so với đầu năm và kỳ vọng tiếp tục gia tăng nhanh chóng thời gian tới.

**Liên tục bắt tay với các thương hiệu lớn:** Trong năm 2024, MWG đã ký kết các thỏa thuận hợp tác chiến lược với các thương hiệu điện thoại lớn từ Trung Quốc, mục tiêu đạt doanh số 4,5 triệu smartphone vào năm 2025. MWG cũng tiếp tục hợp tác với Realme để đạt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 1,5 lần vào cuối năm 2025, đây là thương hiệu tăng trưởng nhanh nhất trong hệ thống đối tác của MWG 2024. Ngoài ra, MWG đã hợp tác với VPBank để ra mắt mô hình đại lý thanh toán mới tại Việt Nam.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

MWG đang tích cực giữ các mốc MA ngắn và lấy lại mốc MA dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI tích lũy trong vùng an toàn cho tín hiệu mua. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua phù hợp.



## Thông tin doanh nghiệp

|                        |               |
|------------------------|---------------|
| Phân ngành ICB L2      | Bán lẻ        |
| Biến động giá 1Y       | 41.470–70.800 |
| KLGDBQ 10D (CP)        | 4.618.470     |
| Vốn hóa (tỷ đồng)      | 89.176,84     |
| BVPS                   | 18.411        |
| P/E (lần)              | 30,09         |
| P/B (lần)              | 3,29          |
| EPS (VND)              | 2.027,19      |
| SL CPLH (triệu CP)     | 1.461,92      |
| Tỷ lệ free-float (%)   | 80,00         |
| Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%) | 46,08         |
| ROA (%)                | 4,63          |
| ROE (%)                | 11,67         |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| Xu hướng ngày    | -       | Đi ngang  |
| Xu hướng tuần    | -       | Đi ngang  |
| Xu hướng tháng   | -       | Đi ngang  |
| RSI 14           | 52,87   | Mua       |
| MFI              | 54,37   | Mua       |
| MA10             | 60,52   | Mua       |
| MA20             | 60,41   | Mua       |
| MA50             | 62,16   | Quan sát  |
| MA100            | 64,62   | Quan sát  |

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT                      | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|--------------------------|-------------|----------|-----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| <b>Danh mục theo dõi</b> |             |          |           |          |         |              |            |          |         |       |
| 1                        | <b>MSB</b>  | Theo dõi | 11,2-11,5 |          |         | 13.000       | 10.850     |          |         |       |
| 2                        | <b>GVR</b>  | Theo dõi | 31-31,6   |          |         | 36.500       | 30.000     |          |         |       |

### Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

|    |            |         |           |            |         |         |         |  |  |       |
|----|------------|---------|-----------|------------|---------|---------|---------|--|--|-------|
| 1  | <b>DGC</b> | Nắm giữ | 106-108   | 06/11/2024 | 107.400 | 124.000 | 103.000 |  |  | 10,3% |
| 2  | <b>MSN</b> | Nắm giữ | 70,4-71,5 | 11/11/2024 | 71.300  | 79.000  | 67.400  |  |  | -1,5% |
| 3  | <b>PDR</b> | Nắm giữ | 20,6-21,0 | 20/11/2024 | 19.900  | 24.000  | 19.800  |  |  | 1,5%  |
| 4  | <b>VHC</b> | Nắm giữ | 72,6-73,4 | 21/11/2024 | 70.500  | 82.500  | 69.400  |  |  | 5,0%  |
| 5  | <b>CTG</b> | Nắm giữ | 33,2-33,7 | 21/11/2024 | 33.600  | 36.800  | 31.900  |  |  | 7,7%  |
| 6  | <b>HPG</b> | Nắm giữ | 25,6-26,0 | 25/11/2024 | 26.000  | 29.600  | 24.500  |  |  | 2,7%  |
| 7  | <b>VNM</b> | Nắm giữ | 63,3-64,0 | 26/11/2024 | 64.400  | 72.200  | 60.500  |  |  | -0,2% |
| 8  | <b>KBC</b> | Nắm giữ | 27,1-27,6 | 27/11/2024 | 27.500  | 31.500  | 26.000  |  |  | 0,4%  |
| 9  | <b>TNG</b> | Nắm giữ | 24,7-25,0 | 02/12/2024 | 24.900  | 28.500  | 23.700  |  |  | 6,4%  |
| 10 | <b>CTD</b> | Nắm giữ | 64,8-66,0 | 03/12/2024 | 65.500  | 75.000  | 62.100  |  |  | 1,2%  |
| 11 | <b>PNJ</b> | Nắm giữ | 92,8-93,5 | 04/12/2024 | 93.500  | 108.000 | 88.600  |  |  | 4,0%  |
| 12 | <b>NTP</b> | Nắm giữ | 60,3-62,6 | 05/12/2024 | 62.700  | 72.000  | 58.400  |  |  | 6,2%  |
| 13 | <b>PAN</b> | Nắm giữ | 22,2-22,8 | 10/12/2024 | 22.450  | 25.800  | 21.400  |  |  | 5,1%  |
| 14 | <b>DRC</b> | Nắm giữ | 28,1-28,7 | 11/12/2024 | 28.600  | 32.500  | 27.000  |  |  | 5,4%  |
| 15 | <b>BFC</b> | Nắm giữ | 38-38,8   | 16/12/2024 | 38.000  | 45.500  | 36.500  |  |  | 8,2%  |
| 16 | <b>DBC</b> | Nắm giữ | 26,6-27,0 | 17/12/2024 | 26.800  | 30.500  | 25.500  |  |  | 7,8%  |
| 17 | <b>REE</b> | Nắm giữ | 65,0-66,3 | 17/12/2024 | 66.000  | 73.000  | 62.300  |  |  | 2,3%  |
| 18 | <b>HAX</b> | Nắm giữ | 15,9-16,3 | 18/12/2024 | 16.350  | 18.200  | 15.400  |  |  | 6,1%  |
| 19 | <b>IDC</b> | Nắm giữ | 55,6-56,5 | 18/12/2024 | 56.200  | 64.500  | 53.100  |  |  | -0,4% |
| 20 | <b>PVT</b> | Nắm giữ | 27,2-27,6 | 20/12/2024 | 27.600  | 32.300  | 26.000  |  |  | 3,3%  |
| 21 | <b>DHC</b> | Nắm giữ | 35,0-35,6 | 23/12/2024 | 36.000  | 40.000  | 33.500  |  |  | 6,3%  |
| 22 | <b>DDV</b> | Nắm giữ | 19,0-19,8 | 23/12/2024 | 19.900  | 23.000  | 18.400  |  |  | 4,5%  |
| 23 | <b>VGC</b> | Nắm giữ | 43,0-44,0 | 24/12/2024 | 44.000  | 54.000  | 41.500  |  |  | 2,0%  |

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua    | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|----------|-------------|------------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| 1   | FPT         | Chốt lời | 118,0-124,0 | 06/8/24    | 120.000 | 149.000      | 113.000    | 18/10/24 | 137.700 | 14,2% |
| 2   | PAN         | Chốt lời | 23,4-23,6   | 04/10/2024 | 23.000  | 26.000       | 22.300     | 18/10/24 | 24.400  | 6,5%  |
| 3   | CTD         | Chốt lời | 63,2-64,2   | 21/10/2024 | 63.400  | 70.000       | 60.600     | 24/10/24 | 67.800  | 6,9%  |
| 4   | HAH         | Chốt lời | 41,2-42     | 28/10/2024 | 42.000  | 46.800       | 39.500     | 08/11/24 | 46.500  | 10,7% |
| 5   | MWG         | Chốt lời | 63,1-63,7   | 16/10/2024 | 64.300  | 69.300       | 60.300     | 11/11/24 | 65.000  | 1,09% |
| 6   | VGI         | Chốt lời | 69,0-72,0   | 06/10/2024 | 72.000  | 82.700       | 67.000     | 11/11/24 | 89.500  | 24,3% |
| 7   | TCB         | Cắt lỗ   | 24,2-24,6   | 17/10/2024 | 24.100  | 26.600       | 23.200     | 12/11/24 | 23.400  | -2,9% |
| 8   | SZC         | Chốt lời | 37,6-38,3   | 23/10/2024 | 38.100  | 42.500       | 36.400     | 12/11/24 | 42.700  | 12,1% |
| 9   | HDG         | Chốt lời | 26,0-27,0   | 06/11/2024 | 27.550  | 31.000       | 25.200     | 12/11/24 | 28.600  | 3,8%  |
| 10  | VCI         | Chốt lời | 35-35,5     | 31/10/2024 | 34.300  | 41.200       | 33.500     | 14/11/24 | 34.700  | 1,2%  |
| 11  | DBC         | Chốt lời | 27,4-28     | 31/10/2024 | 27.700  | 32.000       | 26.300     | 14/11/24 | 28.000  | 1,1%  |
| 12  | NKG         | Cắt lỗ   | 20,8-21,2   | 08/11/2024 | 21.050  | 24.000       | 19.900     | 14/11/24 | 20.000  | -1,2% |
| 13  | DRI         | Chốt lời | 11,8-12,0   | 21/11/2024 | 11.800  | 13.800       | 11.200     | 26/11/24 | 12.800  | 8,5%  |
| 14  | DPM         | Chốt lời | 34,3-34,7   | 11/11/2024 | 33.400  | 37.400       | 32.800     | 27/11/24 | 36.600  | 9,6%  |
| 15  | POW         | Chốt lời | 11,2-11,5   | 21/11/2024 | 11.300  | 13.000       | 11.000     | 04/12/24 | 12.650  | 11,9% |
| 16  | QNS         | Chốt lời | 48,6-49,0   | 18/11/2024 | 49.000  | 55.000       | 46.400     | 06/12/24 | 51.300  | 4,7%  |
| 17  | CMG         | Chốt lời | 52,8-54     | 28/11/2024 | 53.800  | 63.800       | 50.700     | 09/12/24 | 58.500  | 8,7%  |
| 18  | LPB         | Chốt lời | 31,2-31,7   | 25/10/2024 | 31.700  | 35.000       | 29.850     | 10/12/24 | 34.400  | 8,5%  |
| 19  | VOS         | Chốt lời | 14,1-14,8   | 25/11/2024 | 14.800  | 17.000       | 13.800     | 10/12/24 | 16.300  | 10,1% |
| 20  | PLX         | Cắt lỗ   | 39,2-40     | 03/12/2024 | 39.500  | 45.000       | 37.800     | 13/12/24 | 39.400  | -0,3% |
| 21  | VCG         | Cắt lỗ   | 16,8-17,2   | 25/11/2024 | 17.500  | 19.300       | 16.100     | 24/12/24 | 17.350  | -0,9% |

Email: [research@lpbs.com.vn](mailto:research@lpbs.com.vn)

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Cong Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



### Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.